

## ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC Ở CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐẶNG VĂN SƠN**

*Viện Sinh học Nhiệt đới*

**NGUYỄN VĂN LUẬN, HUỖNH THỊ MINH HIỀN, PHẠM VĂN NGỌT**

*Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*

Ngày nay, thực vật làm thuốc không chỉ đóng vai trò quan trọng trong nền y học cổ truyền mà nó còn là nguồn nguyên liệu quý cho nhiều loại thuốc hiện đại có xuất xứ từ các hợp chất tự nhiên. Bên cạnh giá trị chăm sóc sức khỏe con người, thực vật làm thuốc còn có giá trị kinh tế xã hội cao. Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nên hệ thực vật và đặc biệt là nguồn tài nguyên thực vật làm thuốc rất phong phú và đa dạng. Việc điều tra, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên dược liệu quý này có ý nghĩa rất lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm gần đây, do áp lực gia tăng về dân số, cộng với việc khai thác quá mức nguồn thảo dược nói trên dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị cạn kiệt.

Củ Chi là một huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh, nằm trên vùng đất chuyển tiếp từ vùng đất cao của núi rừng miền Đông Nam Bộ xuống vùng đất thấp của đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ địa lý từ 10°53'00" đến 10°10'00" vĩ độ Bắc và từ 106°22'00" đến 106°40'00" kinh độ Đông, gồm 20 xã và 1 thị trấn với diện tích là 43.450,2 ha tự nhiên, bằng 20,74% diện tích toàn thành phố. Đây là vùng có hệ thực vật mà đặc biệt là thực vật làm thuốc khá phong phú và đa dạng, tập trung chủ yếu ở những khu rừng còn sót lại sau chiến tranh. Những kết quả nghiên cứu của chúng tôi nhằm cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên cây thuốc ở đây, làm cơ sở cho việc bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững chúng.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tập hợp, phân tích, kế thừa các công trình khoa học, các tư liệu khoa học đã có để tổng hợp thông tin, định hướng cho nội dung khảo sát và nghiên cứu. Điều tra tri thức bản địa bằng phương pháp phỏng vấn nhanh (PRA) với sự tham gia của người dân và các thầy thuốc trong khu vực nghiên cứu. Điều tra thu mẫu ngoài thực địa theo tuyến và điểm nghiên cứu nhằm thu mẫu cho việc phân tích và xác định tên khoa học trong phòng thí nghiệm bằng phương pháp hình thái so sánh, có so mẫu với một số tiêu bản chuẩn Việt Nam được lưu trữ ở Bảo tàng Thực vật thuộc Viện Sinh học Nhiệt đới, thành phố Hồ Chí Minh theo các sách chuyên ngành; đồng thời xác định thông tin của các loài có giá trị làm thuốc, dạng sống và tình trạng bảo tồn dựa trên các tài liệu.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đa dạng về thành phần loài cây thuốc

Qua kết quả phân tích chúng tôi đã ghi nhận được thành phần loài cây thuốc ở Củ Chi có 162 loài, 135 chi, 63 họ, 38 bộ thuộc 2 ngàn họ thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ có 3 loài, 3 chi của 3 họ; ngành Ngọc lan có 159 loài, 132 chi của 60 họ (Bảng 1).

Bảng 1

**Phân bố các taxon trong ngành**

Ngành	Bộ		Họ		Chi		Loài	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Polypodiophyta	2	5,2	3	4,8	3	2,3	3	1,9
Magnoliophyta	36	94,8	60	95,2	132	97,8	159	98,1
<b>Tổng</b>	<b>38</b>	<b>100</b>	<b>63</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>162</b>	<b>100</b>

Phân tích sâu hơn về ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) cho thấy kết quả như sau (Bảng 2): lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với số loài là 151 chiếm 93,2%, số chi là 124 chiếm 91,9%, số họ là 55 chiếm 87,3%, số bộ là 31 chiếm 81,6% trong tổng số loài, chi và họ và bộ của hệ thực vật ở đây; lớp Một lá mầm (Liliopsida) có tỷ lệ thấp hơn với số loài là 8 chiếm 4,9%, số chi là 8 chiếm 5,9%, số họ là 5 chiếm 7,9% và số bộ là 5 chiếm 13,2%. Như vậy có thể khẳng định được rằng lớp Ngọc lan chiếm ưu thế trong ngành thực vật hạt kín và thậm chí trong toàn hệ thực vật.

Bảng 2

**Phân bố các taxon trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)**

Lớp	Bộ		Họ		Chi		Loài	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Liliopsida	5	13,2	5	7,9	8	5,9	8	4,9
Magnoliopsida	31	81,6	55	87,3	124	91,9	151	93,2
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>94,8</b>	<b>60</b>	<b>95,2</b>	<b>132</b>	<b>97,8</b>	<b>159</b>	<b>98,1</b>

Nếu so với huyện Nhà Bè và Bình Chánh thì nguồn tài nguyên cây thuốc ở Củ Chi khá phong phú và đa dạng với 162 loài, trong khi đó huyện Nhà Bè với 108 loài và Bình Chánh với 102 loài (Đặng Văn Sơn, 2010).

Bảng 3

**So sánh tài nguyên cây thuốc ở Củ Chi với các huyện khác của thành phố**

TT	Tên địa phương	Diện tích (ha)	Số loài cây thuốc
1.	Nhà Bè	10.041	108
2.	Bình Chánh	25.255,2	102
3.	Củ Chi	43.450,2	162

Khi đánh giá tính đa dạng của một hệ thực vật, người ta thường phân tích taxon ở bậc bộ, họ và chi lớn nhất của hệ thực vật đó. Ở cấp độ bộ, vùng nghiên cứu có 12 bộ có số lượng họ đa dạng nhất với 36 họ chiếm 57,1% tổng số họ trong toàn hệ gồm: bộ Myrtales (Sim) có 5 họ chiếm 7,9%, kể đến bộ Gentiniales (Long đởm), bộ Malvales (Bông), bộ Rutales (Cam chanh) và bộ Theales (Chè) mỗi bộ có 4 họ chiếm 6,3%, kể đến là bộ Scrophulariales (Hoa mõm sói) có 3 họ chiếm 4,8% và sau cùng các bộ Rhamnales (Táo), Lamiales (Hoa môi), Urticales (Gai), Schizeales (Bòng bong), Caryophyllales (Cỏ chướng), Fabales (Đậu) bằng nhau cùng có 2 họ chiếm 3,2%. Ở cấp độ họ, có 7 họ có số lượng loài nhiều nhất (57 loài) chiếm 35,2% tổng số loài cây thuốc vùng nghiên cứu. Họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Euphorbiaceae (Thầu dầu) có 19 loài chiếm 11,7%, kể đến là họ Asteraceae (Cúc) có 9 loài chiếm 5,8%, kể đến là họ Fabaceae (Đậu) có 8 loài chiếm 4,9%, kể đến là họ Moraceae (Dâu tằm) có 6 loài chiếm 3,7%, kể đến là họ Malvaceae (Bông), họ Caesalpiniaceae (Vang) và họ Acanthaceae (Ô rô) mỗi họ có 5 loài chiếm 3,1%.

## 2. Dạng sống của cây thuốc

Tài nguyên cây thuốc ở Củ Chi được phân chia thành 4 nhóm dạng sống chính, đó là nhóm cây thảo, cây bụi, cây gỗ và dây leo. Trong số 162 loài thực vật có giá trị làm thuốc thì nhóm cây thảo (C) có 52 loài chiếm 32,1%, nhóm cây gỗ (G) có 52 loài chiếm 32,1%, nhóm cây bụi (B) có 49 loài chiếm 30,2% và nhóm dây leo (DL) có 9 loài chiếm 5,6% (Bảng 4).

Bảng 4

**Dạng sống của thực vật có giá trị làm thuốc**

TT	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Thân thảo (C)	52	32,1
2.	Gỗ (G)	52	32,1
3.	Bụi (B)	49	30,2
4.	Dây leo (DL)	9	5,6

Như vậy thành phần thực vật quan trọng nhất của hệ thực vật huyện Củ Chi là các loài thuộc nhóm cây gỗ và cây thảo, chúng tạo thành thảm thực vật có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, cũng như bảo vệ môi trường ở trong vùng và vùng phụ cận.

## 3. Đa dạng về giá trị sử dụng của cây thuốc

♦ **Phân chia theo bộ phận dùng:** Theo kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong dân gian, có thể sử dụng toàn cây hoặc một bộ phận của cây thuốc, mỗi bộ phận của cây có một tác dụng chữa bệnh khác nhau. Bên cạnh đó người ta có thể kết hợp 2 hay nhiều bộ phận của cùng một cây hay kết hợp giữa các cây thuốc khác nhau để có tác dụng chữa bệnh tốt nhất.

Tài nguyên cây thuốc ở Củ Chi không chỉ đa dạng, phong phú về thành phần loài (162 loài) mà cả về công dụng cũng như bộ phận sử dụng (cả cây, rễ, thân, lá, quả, củ, hoa...). Trong đó bộ phận sử dụng phổ biến nhất là lá (65 loài), rễ (59 loài), vỏ (39 loài), quả, hạt (34 loài), hoa (16 loài) và các bộ phận khác (16 loài).

Trong quá trình sử dụng cây thuốc, người ta có thể sử dụng cây tươi, khô hay vừa dùng tươi vừa dùng khô. Đối với nhóm cây dùng tươi, dùng lá để đắp, bôi ngoài da, xông hơi, nấu nước uống hoặc làm rau ăn thường là cây thảo như Rau tàu bay (*Gynura crepidioides*), Mùn nước (*Colocasia esculenta*), Bọ xít (*Synedrella nodiflora*), Bờ lờ cánh đơn (*Litsea monopetala*)... Với nhóm cây dùng khô, cây thuốc lấy về có thể chặt nhỏ phơi khô hoặc sao ở các mức độ khác nhau dùng ắc uống, ngâm rượu hoặc ắc tán nhỏ thành bột như Mã liên an (*Streptocaulon griffithii*), Cỏ xước (*Achyranthes aspera*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium*)... Một số cây có thể vừa dùng tươi và khô như Núc nác (*Oroxylum indicum*), Ké hoa đào (*Urena lobata*)...

♦ **Phân chia theo các bệnh được chữa trị bằng cây thuốc:** Theo y học cổ truyền thì từ một cây có thể chữa được nhiều bệnh và để chữa một bệnh có thể cần kết hợp nhiều cây thuốc với nhau. Theo tài liệu của một số tác giả như Đỗ Tất Lợi, Võ Văn Chi, Đỗ Huy Bích, Phạm Hoàng Hộ... cũng như trong quá trình điều tra, thu thập thông tin từ thầy thuốc và người dân địa phương, chúng tôi phân chia các nhóm bệnh được chữa trị từ cây thuốc như sau (Bảng 5).

Từ Bảng 5 cho thấy nguồn tài nguyên cây thuốc được sử dụng để chữa rất nhiều bệnh, phần lớn là các bệnh thường gặp như bệnh về đường tiêu hóa (có 46 loài), bệnh thời tiết (có 41 loài), bệnh ngoài da (có 32 loài), bệnh về đường hô hấp (có 14 loài) và một số bệnh về gan, thần kinh, xương. Một số loài cây thuốc được người dân địa phương sử dụng phổ biến để chữa bệnh như Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus*), Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium*), Tai tượng ấn (*Acalypha indica*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Cóc kèn nước

(*Derris trifolia*), Cỏ xước (*Achyranthes aspera*), Cỏ nhọ nôi (*Eclipta prostrata*), Rau đấng đật (*Glinus oppositifolius*), Cỏ sữa lá lớn (*Euphorbia hirta*), Rau dứa nước (*Ludwigia adscendens*), Ráng đại (*Acroticum aureum*), Choại (*Stenochlaena palustris*), Sam (*Portulaca oleracea*), Rau má (*Centella asiatica*), Mã liên an (*Streptocaulon griffithii*), Bình bác (*Annona glabra*), Trai thường (*Commelina communis*), Mây nước (*Flagellaria indica*)...

Bảng 5

**Các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc**

TT	Số loài		Các nhóm bệnh
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1.	46	28,4	Bệnh về đường tiêu hóa
2.	41	25,3	Bệnh thời tiết
3.	32	19,8	Bệnh ngoài da
4.	15	9,3	Bệnh đường sinh dục
5.	14	8,6	Bệnh về đường hô hấp
6.	12	7,4	Bệnh do côn trùng cắn
7.	11	6,8	Bệnh về răng, mắt
8.	10	6,2	Bệnh về xương
9.	9	5,6	Bệnh về gan
10.	7	4,3	Bệnh ở trẻ em
11.	6	3,7	Bệnh về thần kinh
12.	6	3,7	Bồi bổ sức khỏe

♦ **Phân chia theo giá trị bảo tồn:** Trong số 162 loài cây thuốc được ghi nhận, có 10 loài đã được cấp báo trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và IUCN (2010). Trong đó, có 6 loài được xếp ở thứ hạng Ít nguy cấp - LR (Lower risk), 2 loài xếp ở thứ hạng Nguy cấp - EN (Endangered), 1 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp - VU (Vulnerable) và 1 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp và Ít nguy cấp (Bảng 6).

Bảng 6

**Các loài thực vật làm thuốc cần được bảo vệ**

TT	Tên thực vật	SĐVN (2007)	IUCN (2010)
1.	Sao đen ( <i>Hopea odorata</i> Roxb.)		VU
2.	Dầu trà beng ( <i>Dipterocarpus obtusifolius</i> Teysm.)		LR
3.	Dầu rái ( <i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb.)		EN
4.	Sến mù ( <i>Shorea roxburghii</i> G. Don.)		EN
5.	Thành ngạnh đẹp ( <i>Cratoxylum cochinchinensis</i> BL.)		LR
6.	Thành ngạnh nam ( <i>Cratoxylum formosum</i> Dyer.)		LR
7.	Xây ( <i>Dialium cochinchinensis</i> Pierre.)		LR
8.	Gỗ mật ( <i>Sindora siamensis</i> Teysm. ex Miq.)	EN	LR
9.	Mù u ( <i>Calophyllum inophyllum</i> L.)		LR
10.	Kơ nia ( <i>Iringia malayana</i> Oliv.)		LR

**4. Đánh giá chung về đa dạng cây thuốc ở Cù Chi**

Nguồn tài nguyên cây thuốc ở Cù Chi khá phong phú và đa dạng (162 loài), phần lớn tập trung chủ yếu ở Bến Đình và Bến Dược (thuộc xã Nhuận Đức và Phú Mỹ Hưng), đây là nơi còn sót lại những khu rừng tự nhiên được bảo vệ cùng với khu di tích lịch sử địa đạo Cù Chi. Bên cạnh đó, một số cây thuốc còn được tìm thấy ở các vườn suu tập thực vật, khu vực ven sông, bờ

ruộng... hoặc được trồng ở sân vườn, khu dân cư. Người dân địa phương đã biết khai thác và sử dụng một số loại cây thuốc để chữa trị các bệnh thông thường, tuy nhiên nguồn tài nguyên cây thuốc ở đây chưa được sử dụng hết tiềm năng, giá trị dược liệu của “cây nhà lá vườn” chưa được người dân chú trọng. Trong quá trình khai thác cần chú ý đến việc tái sinh tự nhiên, gây trồng và bảo tồn, cần áp dụng các quy trình kỹ thuật khai thác đối với từng loài, thời điểm khai thác, cách thức khai thác, cần chăm khai thác những loài có giá trị bảo tồn trong Danh lục Đỏ Việt Nam và thế giới.

### III. KẾT LUẬN

Nguồn tài nguyên cây thuốc ở Củ Chi đã ghi nhận được 162 loài, 135 chi, 63 họ, 38 bộ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Ngọc lan chiếm ưu thế với 159 loài. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Euphorbiaceae (Thầu dầu), họ Asteraceae (Cúc), họ Fabaceae (Đậu), họ Moraceae (Dâu ấu), họ Malvaceae (Bông), họ Acanthaceae (Ô rô) và họ Caesalpiniaceae (Vang). Đã xác định 4 nhóm dạng sống chính trong các loài thực vật làm thuốc ở Củ Chi là nhóm cây thảo (C) có 52 loài, nhóm cây gỗ (G) có 52 loài, nhóm cây bụi (B) có 49 loài và nhóm dây leo (DL) có 9 loài. Người dân địa phương cũng đã biết sử dụng linh hoạt các bộ phận của cây thuốc như lá, thân, rễ... để chữa trị một số bệnh thông thường. Trong đó, bộ phận được sử dụng nhiều nhất là lá (65 loài), kế đến rễ (59 loài), đến vỏ, thân... các loài cây thuốc được sử dụng phổ biến nhất là Diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*) và Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium*). Có 12 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bởi cây thuốc trong đó nhóm bệnh về đường tiêu hóa chiếm tỉ lệ cao nhất (46 loài), tiếp đến nhóm bệnh thời tiết (41 loài), bệnh ngoài da, bệnh đường sinh dục, bệnh đường hô hấp... Đã ghi nhận được 10 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách Đỏ Việt Nam (2007) và IUCN (2010).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH&CN&MT, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần Thực vật. NXB. KHTN&CN, Hà Nội.
2. Đặng Văn Sơn, Nguyễn Nghĩa Thìn, 2009: *Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp*, 1: 831-836, ISSI: 1859-0373.
3. Đỗ Huy Bích và cs., 2006: Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam tập 1,2. NXB. KH&KT.
4. Đỗ Tất Lợi, 2009: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB. Y học - Thời đại.
5. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2001: Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái, Con Công, Nghệ An. NXB. Nông nghiệp.
6. Phạm Hoàng Hộ, 1999: Cây cỏ Việt Nam, tập 1,2,3. NXB. Trẻ.
7. Trần Đình Lý, 1995: 1900 loài cây có ích. NXB. Thế giới, Hà Nội.
8. Võ Văn Chi, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học.

### DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES OF CU CHI DISTRICT, HO CHI MINH CITY

DANG VAN SON, NGUYEN VAN LUAN, HUYNH THI MINH HIEN, PHAM VAN NGOT

#### SUMMARY

The survey results on medicinal plants identified 162 species, 135 genera, 63 families, and 37 orders belonging to two phyla (Polypodiophyta and Magnoliophyta) in Cu Chi District, Ho Chi Minh City. Some species are used to treat common diseases such as skin diseases, respiratory diseases, digestive diseases, liver diseases, and toothaches. Three species are most commonly used *Passiflora foetida*, *Phyllanthus amarus* and *Desmodium styracifolium*. Ten species are listed for conservation by the Vietnam Red Data Book, Part II. Plants (2007) and the IUCN Red List (IUCN, 2010).